

Số: 355/QĐ-ĐHHL

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bộ chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Hạ Long

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Xét đề nghị của trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Hạ Long (bộ chuẩn đầu ra kèm theo).

Điều 2. Căn cứ chuẩn đầu ra, các đơn vị, cá nhân liên quan có nhiệm vụ phổ biến, triển khai hoạt động đào tạo, xây dựng và cập nhật chương trình đảm bảo sinh viên đạt chuẩn đầu ra. Phòng Đào tạo, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng theo dõi việc thực hiện, cập nhật chuẩn đầu ra theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Đào tạo, trưởng các đơn vị có liên quan trong Trường và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, Website.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Thu Giang

BỘ CHUẨN ĐẦU RA

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CĐSP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 355/QĐ-ĐHHL, ngày 17/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH..... | 1 |
| NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN | 4 |
| NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG..... | 7 |
| NGÀNH NGÔN NGỮ ANH..... | 10 |
| NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC | 13 |
| NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC | 16 |
| NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT | 19 |
| CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HOÁ..... | 22 |
| NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG..... | 25 |
| NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN..... | 28 |
| NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH..... | 32 |
| NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON..... | 35 |

NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành (Travel and Tourism Management Services)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng; có kiến thức nền tảng và chuyên môn sâu rộng để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch; kinh doanh du lịch, quản trị lữ hành, hướng dẫn du lịch, khách sạn, tổ chức sự kiện...; kỹ năng giao tiếp và đàm phán chuyên nghiệp về lĩnh vực du lịch. Đồng thời có các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc và cuộc sống.

2.2. Mục tiêu cụ thể (POs)

- PO1: Có sức khỏe, hiểu biết về chính trị-xã hội, pháp luật, quy tắc văn hóa và kiến thức căn bản về khoa học cơ bản để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

- PO2: Có kiến thức về lịch sử, văn hóa, ẩm thực, địa lí và tài nguyên du lịch, tuyến điểm du lịch, du lịch văn hóa và sinh thái, nghiệp vụ tài chính - kinh tế, quản trị, khoa học để phục vụ cho hoạt động kinh doanh du lịch

- PO3: Có kỹ năng nghề nghiệp thuần thục như: thiết kế và điều hành chương trình du lịch, quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành, hướng dẫn du lịch, tổ chức sự kiện, quản trị khách sạn- nhà hàng, quản trị nhân sự, marketing du lịch.

- PO4: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý cuộc họp, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán chuyên nghiệp để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- PO5: Có kỹ năng ngoại ngữ tiếng Anh thành thạo, kỹ năng tin học cơ bản để phục vụ trong học tập và cuộc sống.

- PO6: Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức khởi nghiệp kinh doanh, có trách nhiệm công dân, tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo vệ thương hiệu thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đáp ứng yêu cầu xã hội

- Có khả năng tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ trong lĩnh vực du lịch.

4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên bộ phận thị trường, nhân viên điều hành tour, giám sát và quản lý tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành;

- Hướng dẫn viên du lịch, Hướng dẫn viên tại các điểm di tích và thắng cảnh;

- Cán bộ các bộ phận trong công ty, doanh nghiệp du lịch, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, khu vui chơi giải trí liên hợp, công ty tổ chức sự kiện- hội nghị;

- Chuyên viên các phòng, ban thuộc cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực du lịch;

- Đào tạo viên tại các cơ sở đào tạo du lịch, chuyên gia tư vấn phát triển du lịch;

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.

II. CHUẨN ĐẦU RA (PLO)

Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Ứng dụng các kiến thức về lịch sử, văn hóa, ẩm thực, địa lí và tài nguyên du lịch, tuyến điểm du lịch, du lịch văn hóa và sinh thái trong hoạt động kinh doanh lữ hành. Giám sát và thực hiện được thao tác nghiệp vụ tài chính kinh tế, khoa học, thống kê, thanh toán quốc tế trong các giao dịch với các nhà cung ứng dịch vụ và khách hàng.

1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO3: Thiết kế, tổ chức, điều hành được chương trình du lịch theo đúng quy trình, xây dựng các chương trình du lịch phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO4: Thực hiện được hoạt động marketing du lịch, quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành, quản trị nhân sự và quản trị thương hiệu trong du lịch một cách hiệu quả.

PLO5: Thực hiện được hoạt động hướng dẫn du lịch và tổ chức các sự kiện trong du lịch một cách chuyên nghiệp

2.2. Kỹ năng mềm

PLO6: Phân tích được tâm lý khách du lịch, có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh, truyền đạt được kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO7: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng CNTT vào công việc quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành (đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông).

PLO8: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực du lịch (đạt chuẩn năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương).

3. Phẩm chất đạo đức

PLO9: Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Có khả năng khởi nghiệp, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý cuộc họp, làm việc nhóm, thích nghi với môi trường làm việc, chủ động xử lý các tình huống trong du lịch.

NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Quản trị khách sạn (Hotel Management)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Quản trị khách sạn có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản và nâng cao của ngành dịch vụ nói chung, ngành Khách sạn nói riêng vào hoạt động du lịch đặc thù của Quảng Ninh, trong nước và hội nhập quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có khả năng kết hợp kiến thức lý thuyết với kỹ năng phân tích, đánh giá thực tiễn, khả năng tư duy để giải quyết các vấn đề liên quan và các kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

Đào tạo sinh viên ngành Quản trị khách sạn:

- PO1: Có phẩm chất chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, pháp luật; vận dụng hiệu quả vào công việc chuyên môn, cuộc sống.
- PO2: Có kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế, khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, cũng như các kiến thức chuyên sâu về kinh doanh du lịch, quản trị khách sạn và các loại hình dịch vụ khác.
- PO3: Có năng lực thực hiện thành thạo, chuyên nghiệp các nghiệp vụ khách sạn (lễ tân, phục vụ phòng, phục vụ ăn uống, pha chế đồ uống) đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.
- PO4: Có trình độ quản lý, giám sát, điều hành dịch vụ như: quản lý sản phẩm dịch vụ, quản lý nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính, marketing.
- PO5: Có năng lực sử dụng ngoại ngữ (Tiếng Anh) và công nghệ thông tin để làm việc trong lĩnh vực du lịch khách sạn.
- PO6: Có khả năng khởi nghiệp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thích nghi với môi trường làm việc; đào tạo, huấn luyện chuyên môn.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có nghiệp vụ khách sạn và khả năng quản trị để quản lý, điều hành doanh nghiệp hiệu quả.
- Có năng lực tự học để tiếp tục phát triển chuyên môn và cập nhật xu hướng du lịch dịch vụ mới.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Tổ trưởng, trưởng ca, giám sát, trưởng bộ phận, quản lý khách sạn.
- Nhân viên các phòng nhân sự, hành chính, bán hàng trong khách sạn.
- Chuyên viên phòng du lịch, sở du lịch quản lý các cơ sở lưu trú du lịch.
- Đào tạo viên nghề du lịch khách sạn.
- Tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực du lịch khách sạn.

II. CHUẨN ĐẦU RA (PLO)

Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu biết về lý luận chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật; kiến thức cơ bản về đường lối an ninh quốc phòng của Đảng và Nhà nước vận dụng trong du lịch.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Phân tích, tổng hợp các vấn đề kinh tế, kinh tế du lịch, môi trường, phương pháp quản trị, kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, nghiệp vụ văn phòng, phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong phát triển du lịch bền vững.

1.3. Kiến thức ngành

PLO3: Trình bày được những hiểu biết khái quát về tổ chức khách sạn, sản phẩm dịch vụ, đặc điểm kinh doanh khách sạn, tâm lý khách du lịch.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO4: Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ khách sạn theo tiêu chuẩn VTOS: lễ tân, phục vụ buồng, phục vụ ăn uống, pha chế đồ uống để có năng lực xây dựng quy trình làm việc, tổ chức dịch vụ, đào tạo, huấn luyện nhân viên mới.

PLO5: Nêu và thực hiện được các nguyên lý, quy trình quản lý, giám sát, điều hành dịch vụ các bộ phận (lễ tân, buồng, nhà hàng, pha chế) như: xây dựng sản phẩm, quản lý chất lượng, giá bán, quản lý nhân sự, tài chính, marketing.

PLO6: Quản lý được các loại hình dịch vụ khác, đặc thù của du lịch Quảng Ninh (du thuyền, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, sự kiện du lịch) khi lựa chọn học tập như: thiết lập mô hình, tổ chức dịch vụ, quản lý các nguồn lực.

2.2. Kỹ năng mềm

PLO7. Giao tiếp, giải quyết các tình huống, kỹ năng chăm sóc khách hàng; kỹ năng thuyết trình, đàm phán trong công việc và cuộc sống.

2.3. Chuẩn tin học, ngoại ngữ

PLO 8: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng CNTT vào việc quản trị khách sạn, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO9: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực du lịch, đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO10: Trung thực, thân thiện, giúp đỡ bảo mật thông tin, ý thức tổ chức kỷ luật, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp, bảo vệ môi trường và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PLO11: Khả năng nghiên cứu, học tập tốt; Kỹ năng khởi nghiệp, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; Kỹ năng giải quyết vấn đề, đào tạo nhân viên, huấn luyện đánh giá nhân viên.

Bảng: Quan hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo (Pos) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

| POs | PLOs | | | | | | | | | | |
|-----|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 | x | | | | | | | | | x | x |
| 2 | | x | | | | | x | | | x | x |
| 3 | | | x | x | x | x | x | | | x | x |
| 4 | | | | x | x | x | x | | | x | x |
| 5 | | | | x | | | x | x | x | | |
| 6 | | | | | | | x | | | x | x |

NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
(Restaurant and Food service Administration)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, kiến thức nền tảng và chuyên môn sâu rộng để giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, chuyên môn sâu trong quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành để phát hiện giải quyết các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực nhà hàng và kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

- PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống.
- PO2: Có kiến thức về quản trị kinh doanh trong các lĩnh vực chế biến món ăn, quản trị bar và đồ uống, quản lý và tổ chức các sự kiện trong nhà hàng.
- PO3: Có kỹ năng nghề nghiệp thuần thục: tổ chức kinh doanh phục vụ nhà hàng, chế biến món ăn, cắt tỉa và trang trí bàn tiệc, pha chế và quản trị đồ uống, tổ chức sự kiện, quản trị khách sạn, quản trị nhân sự, marketing du lịch.
- PO4: Có kỹ năng phân tích tâm lý khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản trị, kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
- PO5: Có năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) và công nghệ thông tin để phục vụ học tập và công việc trong lĩnh vực du lịch.
- PO6: Có khả năng khởi nghiệp, làm việc nhóm, thích nghi với môi trường làm việc, chủ động xử lý các tình huống trong du lịch, truyền đạt được kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo.
- PO7: Có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng quản lý, điều hành các quy trình, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh doanh nhà hàng và phục vụ ăn uống... để nâng cao hiệu quả công việc.

- Có năng lực tự học để tiếp tục phát triển chuyên môn và nắm bắt các giải pháp, công nghệ mới.

4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên giám sát, quản lý tại các bộ phận bàn, bar, bếp tại các nhà hàng, khách sạn, khu resort...

- Chuyên viên marketing, sales, dịch vụ khách hàng; chuyên viên tổ chức sự kiện, hội nghị tại khách sạn, nhà hàng cao cấp; trung tâm hội nghị, trung tâm tiệc cưới...

- Chuyên viên quản lý chất lượng dịch vụ, quản lý chuỗi cung ứng, dịch vụ khách hàng, quản lý điều hành tại: nhà ăn trong trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp...

- Tự kinh doanh dịch vụ ăn uống, với các hình thức: nhà hàng, quán ăn; quán cà phê; quầy đồ ăn tại các trung tâm thương mại, khu vui chơi; dịch vụ tiệc tại nhà...

- Giảng dạy kiến thức chuyên môn, giảng dạy thực hành tại các cơ sở đào tạo nhân lực du lịch, nhà hàng, khách sạn: cao đẳng, TCCN, trung tâm dạy nghề, ...

- Chuyên viên quản lý lĩnh vực khách sạn nhà hàng tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực nhà hàng, khách sạn.

II. CHUẨN ĐẦU RA

Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

PLO2: Ứng dụng được các kiến thức về quản trị, quản trị kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, quản trị bar và đồ uống, quản lý và tổ chức các sự kiện trong nhà hàng, quản lý kinh tế, nghiệp vụ văn phòng, thống kê, thanh toán quốc tế, quản trị nhân sự và quản trị thương hiệu vào hoạt động kinh doanh dịch vụ, nhà hàng.

2. Kỹ năng

PLO3: Thực hiện công việc đón tiếp, phục vụ ăn uống, tổ chức sự kiện trong các khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại và các cơ sở kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

PLO4: Pha chế được các loại đồ uống, chế biến được các món ăn Âu, Á theo đúng quy trình kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn phục vụ trong khách sạn, nhà hàng.

PLO5: Thực hiện được hoạt động marketing nhà hàng và dịch vụ ăn uống, quản lý và giám sát nhà hàng, quản lý nguồn nhân lực, quản lý tài chính, quản lý chất lượng sản phẩm và trang thiết bị phục vụ kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

PLO6: Phân tích được tâm lý khách hàng, có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, truyền đạt được kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo.

Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO7: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng CNTT vào công việc quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO8: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực du lịch, đạt chuẩn năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO9: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Tự định hướng nghề nghiệp, khởi tạo việc làm, thích nghi với môi trường làm việc, chủ động xử lý các tình huống trong kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Hạ Long là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học có thể làm việc, học tập trong môi trường hội nhập, đa văn hoá, đa ngôn ngữ, phục vụ việc phát triển văn hoá – xã hội, kinh tế của Tỉnh Quảng Ninh, khu vực Đông Bắc và trên toàn quốc. Người học sau khi tốt nghiệp có đạo đức tốt, có kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng tự học, sáng tạo và có thể giải quyết những yêu cầu thực tiễn trong công việc đặt ra; có khả năng tự thích ứng để học tập suốt đời.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

- PO1: Có kiến thức lý thuyết vững vàng về ngôn ngữ Anh;
- PO2: Có kiến thức cơ bản về văn hoá, khoa học xã hội & nhân văn, các khoa học chính trị;
- PO3: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về tin học phục vụ công việc và học tập;
- PO4: Đạt mức năng lực 01 ngoại ngữ khác ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hay tương đương bậc B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu);
- PO5: Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm trong học tập và làm việc;
- PO6: Có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, có trách nhiệm công dân.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh có năng lực sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp, biên, phiên dịch và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc ở các vị trí việc làm khác nhau; có khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn do thực tiễn đề ra; có năng lực tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Giáo viên tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục ở các bậc đào tạo từ mầm non đến trung học phổ thông (sau khi có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) trong hệ thống giáo dục quốc dân và tại các trung tâm ngoại ngữ;

- Biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Anh – Việt tại các tổ chức chính phủ và phi chính phủ;
- Chuyên viên/ nhân viên tại các công ty, cơ sở kinh doanh, các cơ quan, đơn vị nhà nước có sử dụng tiếng Anh;
- Nhân viên tại các cơ sở du lịch – lữ hành, dịch vụ lưu trú.

II. CHUẨN ĐẦU RA (PLOs)

Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Vận dụng được các kiến thức căn bản về pháp luật, chính trị - xã hội trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Trình bày được kiến thức xã hội – nhân văn cơ bản nhất về thế giới và địa phương;

1.3. Kiến thức ngành

PLO3: Phân tích được cấu trúc ngôn ngữ đích (tiếng Anh) ở các lĩnh vực từ ngữ âm học đến hình vị học và cú pháp học;

PLO4: Trình bày được những kiến thức văn hoá cơ bản trong giao tiếp bằng tiếng Anh trong bối cảnh giao tiếp liên văn hoá;

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO5: Sử dụng tiếng Anh đạt mức năng lực bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hay tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) trong giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Anh (bản ngữ và không bản ngữ);

2.2. Kỹ năng mềm

PLO6: Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường đa ngôn ngữ;

PLO7: Có ý thức khởi nghiệp và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO8: Sử dụng ngoại ngữ thứ hai đạt mức năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hay tương đương bậc B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu)

PLO9: Đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông;

3. Phẩm chất đạo đức

PLO10: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật nhà nước và qui định của địa phương;

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có khả năng lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp và phát triển bản thân.

NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Korean Language)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân khoa Ngôn ngữ Hàn Quốc có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có kiến thức nền tảng và chuyên môn sâu rộng để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Hàn Quốc, vận dụng hiệu quả tiếng Hàn vào thực tế; có kỹ năng làm việc thành thạo trong lĩnh vực Ngôn ngữ Hàn Quốc và các kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

- PO1: Có kiến thức tốt về ngôn ngữ Hàn Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Hàn Quốc đạt bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- PO2: Có kiến thức cơ bản về văn hóa, văn minh nhân loại, ngôn ngữ học, đất nước, văn hóa Hàn Quốc để phục vụ việc học tập, nghiên cứu ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, góp phần phát triển khả năng thích nghi tốt với môi trường đa văn hóa.

- PO3: Có khả năng biên- phiên dịch Hàn Việt, Việt Hàn hoặc hướng dẫn du lịch tiếng Hàn.

- PO4: Tích lũy những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp quan trọng để tương lai có thể trở thành các chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn.

- PO5: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- PO6: Có kiến thức và kỹ năng tin học văn phòng đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn.

- PO7: Có thể chất tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp phù hợp.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng vận dụng linh hoạt và hiệu quả các kiến thức, kỹ năng vào hoạt động nghề nghiệp thực tế như quản lý, điều hành, các quy trình, nghiệp vụ...

- Có năng lực tự học để tiếp tục phát triển chuyên môn và nắm bắt các cơ hội nghề nghiệp mới.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Biên dịch viên, phiên dịch viên tiếng Hàn Quốc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, nhà xuất bản, đài truyền hình có nhu cầu sử dụng tiếng Hàn Quốc thuộc các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

- Thư ký văn phòng, trợ lý trong các tổ chức, cơ quan, cơ sở sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu với vai trò kết nối giữa các chuyên gia với người lao động.

- Hướng dẫn viên du lịch, chuyên viên hợp tác quốc tế và phát triển thị trường du lịch với đối tác Hàn Quốc tại các công ty du lịch, lữ hành

- Công tác viên dịch tin tức báo in, báo mạng điện tử về các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, giáo dục, giải trí...

- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, giáo dục đại học và chuyên nghiệp về lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc

- Giáo viên giảng dạy tiếng Việt bằng tiếng Hàn cho người Hàn Quốc

II. CHUẨN ĐẦU RA (PLO)

Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chính trị-xã hội, pháp luật trên nền tảng tư tưởng của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống.

PLO2: Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ 2 – tiếng Anh (đạt bậc 3 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam), kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và công tác chuyên môn.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, dẫn luận ngôn ngữ, văn hóa, văn minh nhân loại để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức ngành

PLO4: Vận dụng được kiến thức tiếng Hàn về ngữ âm, từ vựng, hình thái, cú pháp, giao tiếp liên văn hóa Hàn - Việt, văn hóa, xã hội, chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của Hàn Quốc để phục vụ cho các hoạt động giao tiếp hàng ngày cũng như trong chuyên môn.

PLO5: Vận dụng thành thạo các kiến thức về lý thuyết biên/phiên dịch hoặc nghiệp vụ du lịch, kinh tế du lịch, tiếng Hàn chuyên ngành du lịch vào công việc.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO6: sử dụng thành thạo tiếng Hàn Quốc (bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết) đạt bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương với cấp 4 trong 6 cấp Năng lực tiếng Hàn-TOPIK).

PLO7: Biên dịch, phiên dịch Việt-Hàn, Hàn-Việt thành thạo trong công việc hoặc sử dụng thành thạo tiếng Hàn trong du lịch.

2.2. Kỹ năng mềm

PLO8: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm phục vụ cho công việc chuyên môn.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO9: Đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO10: Đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO11: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO12: Tự chủ, có ý thức tự chịu trách nhiệm về chuyên môn nghiệp vụ.

PLO13: Có ý thức khởi nghiệp và năng lực thích nghi với môi trường đa văn hóa.

NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc có kiến thức lý thuyết sâu rộng và kiến thức thực hành vững chắc trong lĩnh vực ngôn ngữ Trung Quốc; sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc, có kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa và các kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống; có sức khỏe, phẩm chất chính trị vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, có trách nhiệm với công việc và cộng đồng, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng của Quảng Ninh và cả nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để vận dụng có hiệu quả vào công việc và cuộc sống.

PO2: Có kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Trung Quốc và sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc phục vụ cho công việc.

PO3: Hiểu biết về văn hóa, xã hội của Trung Quốc và Việt Nam, có khả năng thích nghi tốt với môi trường đa văn hóa.

PO4: Có khả năng sử dụng tiếng Anh để đáp ứng nhu cầu giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hóa.

PO5: Có kiến thức và kỹ năng tin học văn phòng đáp ứng yêu cầu công việc.

PO6: Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, làm việc độc lập, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm quan trọng khác.

PO7: Có thể chất tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp phù hợp; thượng tôn pháp luật, văn minh, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, có ý thức học tập nâng cao trình độ.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có năng lực sử dụng ngôn ngữ Trung Quốc thành thạo, có kỹ năng biên phiên dịch và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của những vị trí việc làm phù hợp, cống hiến cho xã hội; có khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề

liên quan đến công việc chuyên môn do thực tiễn đề ra; có năng lực tiếp tục học tập nâng cao trình độ.

4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Biên, phiên dịch Trung ⇔ Việt, biên tập bản dịch Trung ⇔ Việt; Hành chính tổng hợp, thư ký-trợ lý, quản lý nhân sự, kinh doanh, điều phối và quản lý dự án trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Trung Quốc; Hướng dẫn du lịch, quản lý và kinh doanh du lịch tại các doanh nghiệp phục vụ du khách nói tiếng Trung Quốc. Ngoài ra, còn có thể làm nghiên cứu về ngôn ngữ, đất nước Trung Quốc, giảng dạy tiếng Trung Quốc (cần học thêm chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm).

II. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO1: Vận dụng được những kiến thức căn bản về chính trị xã hội, pháp luật trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Vận dụng được kiến thức về văn hóa văn minh, ngôn ngữ học, nghiên cứu khoa học, soạn thảo văn bản/ nghiệp vụ văn phòng để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và các công việc chuyên môn.

1.3. Kiến thức ngành

PLO3: Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, đất nước Trung Quốc vào các hoạt động thực tiễn, có khả năng thích nghi với môi trường đa văn hóa.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO4: Sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc, đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO5: Biên dịch, phiên dịch Việt-Trung, Trung-Việt thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội thường gặp.

2.2. Kỹ năng mềm

PLO6: Có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, phản biện; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình, quản lý, điều hành, đánh giá chất lượng công việc trong môi trường làm việc đa văn hóa; kỹ năng khởi nghiệp.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO7: Ứng dụng được kiến thức, kĩ năng CNTT vào công việc, đạt chuẩn kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO8: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO9: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng; tôn trọng các quy tắc văn hóa, chấp hành pháp luật của Nhà nước.

4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLO10: Tự chủ, có ý thức tự chịu trách nhiệm về chuyên môn nghiệp vụ và sáng tạo, phát hiện, giải quyết vấn đề phát sinh trong lĩnh vực chuyên môn.

NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Japanese Language)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Nhật có kiến thức về ngôn ngữ học, lý thuyết và thực hành chuyên môn trong lĩnh vực tiếng Nhật; thành thạo các kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật; có kỹ năng biên phiên dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật và các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản khác; đảm bảo sức khỏe học tập; có phẩm chất chính trị vững vàng, thái độ và đạo đức phù hợp để làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Nhật nhằm giúp người học hình thành các năng lực cụ thể như sau:

PO1: Có kiến thức toàn diện về ngôn ngữ Nhật và sử dụng thành thạo tiếng Nhật đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PO 2: Có khả năng sử dụng tiếng Anh như ngoại ngữ 2 đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PO 3: Có khả năng sử dụng tiếng Nhật trong công việc biên-phiên dịch Nhật - Việt, Việt – Nhật và các công việc liên quan đến tiếng Nhật khác.

PO4: Hiểu biết về văn hóa, xã hội của Nhật Bản và Việt Nam, có khả năng thích nghi tốt với môi trường đa văn hóa.

PO5: Có đầy đủ kiến thức và kỹ năng tin học văn phòng đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn.

PO6: Có năng lực tự học tạo tiền đề cho việc học tập, nghiên cứu chuyên sâu ở bậc học cao hơn về ngành Ngôn ngữ Nhật, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng nghề nghiệp quan trọng để tương lai có thể trở thành các chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn.

PO7: Có thể chất tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp phù hợp;

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật có năng lực sử dụng ngôn ngữ Nhật thành thạo trong giao tiếp, làm việc, biên phiên dịch và kỹ năng

ngành nghiệp khác đáp ứng được yêu cầu công việc của những vị trí việc làm phù hợp, cống hiến cho xã hội; có năng lực tiếp tục học tập nâng cao trình độ, học sau đại học ngành Ngôn ngữ Nhật và những ngành liên quan gần theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo.

4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành ngôn ngữ Nhật trường Đại học Hạ Long có thể làm việc tại các vị trí: Biên, phiên dịch Nhật ⇔ Việt, biên tập bản dịch Nhật ⇔ Việt, hành chính tổng hợp, thư ký-trợ lý, quản lý nhân sự, kinh doanh, điều phối và quản lý dự án trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Nhật; Hướng dẫn du lịch, quản lý và kinh doanh du lịch tại các doanh nghiệp phục vụ du khách Nhật Bản. Ngoài ra, nếu học thêm chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm, sinh viên sau khi kết thúc chương trình đào tạo ngôn ngữ Nhật trình độ đại học có thể giảng dạy tiếng Nhật tại các cơ sở đào tạo tiếng Nhật.

II. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO1: Vận dụng được các kiến thức căn bản về chính trị-xã hội, pháp luật trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống.

Ứng dụng được các kiến thức tin học văn phòng và tiếng Anh vào công việc.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, dẫn luận ngôn ngữ học để phục vụ việc học tập, nghiên cứu tiếng Nhật và làm các công việc chuyên môn liên quan đến tiếng Nhật.

1.3. Kiến thức ngành

PLO3: Vận dụng được kiến thức thực hành tiếng Nhật để phục vụ cho các hoạt động giao tiếp hàng ngày cũng như trong chuyên môn.

PLO4: Vận dụng được kiến thức về chữ viết, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Nhật, văn hóa, xã hội Nhật Bản trong các hoạt động thực tiễn.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO5: Sử dụng thành thạo tiếng Nhật (gồm bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết) đạt bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO6: Biên dịch, phiên dịch Việt-Nhật, Nhật-Việt thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội thường gặp.

2.2. Kỹ năng mềm

PLO7: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm phục vụ cho công việc chuyên môn.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO8: Đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO9: Đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO10: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLO11: Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chuyên môn nghiệp vụ và sáng tạo, phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực chuyên môn.

PLO12: Có năng lực tự định hướng nghề nghiệp và thích nghi với môi trường đa văn hóa.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HOÁ

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Quản lý Văn hoá (Cultural Management)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản lý Văn hóa có kiến thức, tư duy lí luận về văn hóa, văn hóa Việt Nam và quản lí văn hóa; Nắm vững hệ thống lý thuyết, phương pháp và kỹ năng cơ bản về quản lý văn hóa, về quản lý văn hóa du lịch/tổ chức sự kiện để quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong khu vực nhà nước và ngoài nhà nước. Đáp ứng nhu cầu xây dựng phát triển nền văn hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Có hiểu biết về chính trị-xã hội, pháp luật, quy tắc văn hóa và kiến thức căn bản về khoa học cơ bản để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống;

- **PO2:** Có kiến thức nền tảng về văn hóa, về quản lý văn hoá và về tổ chức sự kiện/ quản lý văn hoá du lịch.

- **PO3:** Có kỹ năng nghề nghiệp thuần thục để giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý văn hoá và khởi nghiệp;

- **PO4:** Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm trong các dự án, chương trình, sự kiện về văn hoá, du lịch;

- **PO5:** Có kỹ năng ngoại ngữ (tiếng Anh) tốt để phục vụ trong học tập và cuộc sống.

- **PO6:** Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, vận dụng được các kiến thức tư duy, kỹ năng và phương pháp quản lý văn hóa được đào tạo vào việc nghiên cứu và ứng dụng trong hoạt động thực tiễn.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có năng lực quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa và quản lý các hoạt động về văn hóa tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;

- Có năng lực tự học để tiếp tục phát triển chuyên môn và nắm bắt các giải pháp phù hợp về quản lý văn hoá trong bối cảnh hiện nay.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Quản lý văn hóa có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Cán bộ, nhân viên, làm việc tại các cơ quan quản lý văn hóa từ trung ương đến địa phương: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, các ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, bảo tàng và quản lý hoạt động văn hóa tại các quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh, xã, phường, thị trấn;

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng thuộc khối văn hóa - nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn;

- Nhân viên làm việc trong các công ty tổ chức sự kiện, truyền thông, du lịch hoặc đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Cán bộ, nhân viên làm việc ở các cơ quan thuộc bộ, ngành có chức năng nghiên cứu, xây dựng chính sách văn hóa và quản lý hoạt động văn hóa nghệ thuật; các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển cộng đồng;

- Giám đốc điều hành các công ty tổ chức sự kiện, biểu diễn nghệ thuật, hoặc làm việc tại chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật.

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực quản lý văn hoá hoặc ngành gần Văn hoá học, Việt Nam học.

II. CHUẨN ĐẦU RA

Khi tốt nghiệp, người học đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Vận dụng được các kiến thức căn bản về chính trị - xã hội, pháp luật trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống.

PLO2: Trình bày văn bản hành chính đúng quy cách.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO3: Trình bày được những kiến thức cơ bản về văn hoá Việt Nam, văn hóa tộc người, di tích danh thắng, tôn giáo tín ngưỡng, các loại hình nghệ thuật, địa chí và văn hóa Quảng Ninh và những kiến thức chuyên sâu về văn hóa.

1.3. Kiến thức ngành

PLO4: Trình bày được các kiến thức chung về quản lý và quản lý văn hóa; lý giải vai trò của quản lý văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; Vận dụng kiến thức quản lý các hoạt động văn hóa ở địa phương như quản lý lễ hội; Quản lý di sản văn hóa, quản lý các thiết chế văn hóa. Có khả năng nắm bắt các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn và đưa ra các phương hướng, giải pháp thực hiện.

PLO5: Vận dụng năng lực quản lý công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; năng lực quản lý, điều hành các hoạt động văn hóa – văn nghệ; năng lực xây dựng, điều hành, quản lý các chính sách và dự án văn hóa; năng lực tổ chức, quản lý các chương trình lễ hội và sự kiện nghệ thuật, năng lực marketing, truyền thông, thông tin cho lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật.

1.4. Kiến thức chuyên ngành

PLO6a: Hướng dẫn du lịch tại các tuyến, điểm du lịch trên cơ sở vận dụng các kiến thức về văn hóa, văn hóa Quảng Ninh và du lịch.

PLO6b: Viết kịch bản, biên đạo, dàn dựng và tổ chức được các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO7: Vận dụng để hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành quản lý văn hóa trong những bối cảnh khác nhau.

PLO8: Xử lý các vấn đề quy mô ở địa phương và vùng miền, tham gia xây dựng chiến lược, chương trình hành động và những dự án về văn hóa và quản lý văn hóa.

2.2. Kỹ năng mềm

PLO9: Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, viết và biên tập tin, bài, làm việc nhóm hiệu quả.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO10: Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO11: Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO12: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy tắc văn hoá, quy định của pháp luật và có ý thức phục vụ cộng đồng.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13: Truyền đạt được kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo.

PLO14: Có khả năng khởi nghiệp và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Quản lý Tài nguyên và Môi trường (7850101)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý tài nguyên và môi trường đào tạo người học có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng; có năng lực chuyên môn về công tác quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên biển, tài nguyên khí hậu, và quản lý, xử lý các vấn đề môi trường đất, nước, không khí; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc ngành Quản lý tài nguyên và môi trường nói chung.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống.
- PO2: Nắm vững kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.
- PO3: Thành thạo các kỹ năng chuyên môn để giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường
- PO4: Có đầy đủ kỹ năng mềm cần thiết để làm việc độc lập, làm việc theo nhóm đạt hiệu quả.
- PO5: Năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương. Kỹ năng Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin) và ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo phục vụ công việc.
- PO6: Có đạo đức nghề nghiệp, thượng tôn pháp luật, tôn trọng bản thân và người khác, tôn trọng và bảo vệ môi trường, thân thiện, văn minh, trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, có ý thức học tập nâng cao trình độ.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có sức khỏe để học tập và làm việc.
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tư tưởng, lập trường chính trị vững vàng.

- Có đủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường

4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý tài nguyên và môi trường có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

+ Cán bộ, chuyên viên tại các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường ở trung ương như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ và tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc như Tổng cục Môi trường, tổng cục Quản lý đất đai, Cục kiểm lâm, Cục bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Viễn thám Quốc gia; Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin Địa lý Việt Nam;

+ Cán bộ, chuyên viên tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, Khu dự trữ sinh quyển; Cán bộ địa chính, môi trường, xây dựng cấp xã;

+ Chuyên viên, nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu: Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai, Viện Quy hoạch thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật; Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách Tài nguyên Môi trường;

+ Nhân viên tại các tổ chức phi chính phủ có các hoạt động liên quan đến tài nguyên và môi trường: WWF, IUCN, FFI, AFEO...

+ Cán bộ, nhân viên tại các trung tâm tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch rừng, quy hoạch môi trường;

+ Cán bộ, nhân viên chuyên trách về tài nguyên và môi trường tại các Ban quản lý các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu khai thác tài nguyên...

+ Nhân viên trong các công ty, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

+ Giảng viên tại các cơ sở đào tạo về quản lý Tài nguyên, Môi trường.

II. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

** Kiến thức chung*

PLO1. Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

** Kiến thức chuyên môn*

PLO2. Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên nói chung và kiến thức về đất, nước, khí hậu, sinh vật, sinh thái nói riêng để quản lý, quy hoạch và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

2. Kỹ năng

PLO3. Thành thạo kỹ năng tư vấn, lập hồ sơ quản lý, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng nguồn tài nguyên và môi trường đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

PLO4. Vận dụng phối hợp công nghệ thông tin, GIS, Viễn thám và các công nghệ hiện đại khác để phục vụ hiệu quả công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

PLO5. Thành tạo kỹ năng quan trắc, phân tích, xử lý các vấn đề môi trường trong các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc trên địa bàn các địa phương.

PLO6. Thành thạo kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin phục vụ việc giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

PLO7. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ hành chính, pháp lý liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

PLO8. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, lập kế hoạch, làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi

PLO9. Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng CNTT vào công việc, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO10. Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đạt chuẩn năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức và năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO11. Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật.

PLO12. Có khả năng khởi nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, chủ động xử lý các vấn đề trong thực tiễn quản lý tài nguyên và môi trường.

NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Nuôi trồng thủy sản (Aquaculture)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản đào tạo cử nhân Nuôi trồng thủy sản có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, có khả năng làm việc độc lập; có kỹ năng làm việc thành thạo trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và các kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống; có tinh thần làm việc độc lập, đảm nhận được công tác kỹ thuật và quản lý tại các cơ sở nuôi trồng, sản xuất, nghiên cứu, đào tạo có liên quan đến nuôi trồng thủy sản; có trách nhiệm với công việc và cộng đồng. Với sản phẩm đầu ra như vậy, chương trình đào tạo này góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

- PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

- PO2: Có kiến thức cơ sở ngành vững vàng, kiến thức chuyên ngành sâu rộng để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, ứng dụng được công nghệ hiện đại của nuôi trồng thủy sản vào trong thực tiễn.

- PO3: Có kỹ năng nghề nghiệp thuần thục để giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và khởi nghiệp

- PO4: Có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, phản biện; làm việc độc lập và làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình, quản lý, điều hành, đánh giá chất lượng công việc trong các đề tài, dự án nuôi trồng thủy sản.

- PO5: Năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương. Kỹ năng Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin) và ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo phục vụ công việc.

- PO6: Có đủ sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, thượng tôn pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, tôn trọng bản

thân và người khác, tôn trọng và bảo vệ môi trường, thân thiện, văn minh, trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, có ý thức học tập nâng cao trình độ.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tư tưởng, lập trường chính trị vững vàng.
- Có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản đáp ứng yêu cầu xã hội.
- Có năng lực tự học để tiếp tục phát triển chuyên môn và nắm bắt các giải pháp, công nghệ mới.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Nuôi trồng thủy sản có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Cán bộ chuyên trách về lĩnh vực thủy sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc các bộ, ngành, địa phương..
- Giảng dạy, nghiên cứu tại trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản.
- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, các trung tâm nghiên cứu về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, công nghệ sinh học thủy sản
- Kỹ sư nuôi trồng thủy sản tại các công ty chăn nuôi thủy sản, công ty thuốc - vật tư thủy sản, công ty chế biến thủy sản, công ty chế biến thức ăn thủy sản.
- Là chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản do chính bản thân tạo lập.
- Tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

II. CHUẨN ĐẦU RA (PLO)

Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Giải quyết được các vấn đề liên quan trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, quản lý và hạn chế được dịch bệnh trong quá trình nuôi các loài thủy hải sản.

PLO3: Sản xuất giống và nuôi được các đối tượng thủy, hải sản.

1.3. Kiến thức ngành

PLO4: Xác định được đối tượng nuôi, địa điểm nuôi, mùa vụ và xây dựng các công trình nuôi thủy sản phù hợp.

PLO5: Triển khai được các dự án nghiên cứu khoa học, bố trí thí nghiệm, xử lý số liệu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO7: Thành thạo kỹ thuật nuôi vỗ, kỹ thuật cho đẻ, kỹ thuật sản xuất thức ăn tươi sống và kỹ thuật ương nuôi ấu trùng một số đối tượng nuôi trồng thủy sản (cá nước ngọt, tôm, cua, cá biển và động vật thân mềm, ...).

PLO8: Thành thạo kỹ thuật nuôi thương phẩm một số đối tượng nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế.

2.2. Kỹ năng mềm

PLO12: Có khả năng khởi nghiệp, làm việc nhóm, thích nghi với môi trường làm việc, chủ động xử lý các tình huống trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO9: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng CNTT vào công việc nuôi trồng thủy sản, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO10: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực chuyên môn, đạt chuẩn năng lực Tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO11: Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO6: Tổ chức, quy hoạch, quản lý và vận hành được cơ sở sản xuất thủy sản như trại sản xuất giống, trại nuôi thương phẩm và kinh doanh dịch vụ thủy sản.

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo (Pos) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

| POs | PLOs | | | | | | | | | | | |
|-----|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1 | x | x | x | x | x | x | | | | | x | x |
| 2 | | x | x | x | x | x | x | x | x | | x | x |
| 3 | | x | x | x | x | x | x | x | x | | x | x |

| POs | PLOs | | | | | | | | | | | |
|-----|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 4 | | x | x | x | x | x | x | x | x | x | | x |
| 5 | | | | | x | x | | | x | x | | x |
| 6 | x | x | x | x | x | x | | | | | x | x |

NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Khoa học máy tính (Computer Science)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân khoa học máy tính có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có kiến thức nền tảng và chuyên môn sâu rộng để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, ứng dụng những vấn đề hiện đại của khoa học máy tính trong thực tế; có kỹ năng làm việc thành thạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm thiết yếu phục vụ công việc, cuộc sống.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

- PO1: Có hiểu biết về chính trị-xã hội, pháp luật, quy tắc văn hóa và kiến thức căn bản về khoa học cơ bản để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và thực tiễn cuộc sống.

- PO2: Có kiến thức về thiết kế, xây dựng và vận hành được các hệ thống công nghệ thông tin như: các phần mềm máy tính, hệ thống mạng máy tính, tính toán, xử lý thông minh trong phạm vi khai thác các sơ sở dữ liệu lớn và học máy.

- PO3: Có kỹ năng nghề nghiệp thuần thục để giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và khởi nghiệp.

- PO4: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm trong các dự án công nghệ thông tin.

- PO5: Có kỹ năng ngoại ngữ tiếng Anh tốt để phục vụ trong học tập và cuộc sống.

- PO6: Có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật, có trách nhiệm công dân.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tin học hóa các hoạt động quản lý, điều hành, các quy trình, nghiệp vụ... để nâng cao hiệu quả công việc.

- Có năng lực tự học để tiếp tục phát triển chuyên môn và nắm bắt các giải pháp, công nghệ mới.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Khoa học máy tính có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp.
- Chuyên viên tư vấn, xây dựng và đánh sản phẩm công nghệ thông tin.
- Nhân viên phân tích, thiết kế, lập trình phần mềm, website.
- Nhân viên cài đặt, quản trị hệ thống mạng cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Giảng dạy về công nghệ thông tin tại một số cơ sở giáo dục, đào tạo.
- Tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học về lĩnh vực công nghệ thông tin.

II. CHUẨN ĐẦU RA (PLO)

Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1. Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào chuyên môn và thực tiễn cuộc sống.

PLO2. Ứng dụng được các kiến thức về toán học, logic học và thống kê trong xử lý, tính toán trên máy tính.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO3: Giải thích được các nguyên lý, cấu trúc hệ thống máy tính, mạng máy tính, tổ chức dữ liệu và chương trình máy tính, an ninh mạng.

1.3. Kiến thức ngành

PLO4: Phát triển phần mềm trên nền tảng Windows form, Web form, mã nguồn mở chạy trên máy tính hoặc các thiết bị di động.

PLO5: Vận dụng được các nguyên lý của trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật học máy, học sâu để phát triển các chương trình máy tính thông minh.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO6: Lập trình trên nền tảng ngôn ngữ lập trình C++, java, công nghệ .Net

PLO7: Xây dựng phần mềm, cài đặt quản trị hệ thống mạng vừa và nhỏ. **2.2. Kỹ năng mềm**

PLO8: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm trong các dự án công nghệ thông tin.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO9: Đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO10: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ các quy tắc văn hóa, quy định của pháp luật về lĩnh vực công nghệ thông tin.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có khả năng khởi nghiệp và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

PLO12: Truyền đạt được kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo.

NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

- Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (Early Childhood Education)
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Thời gian đào tạo: 03 năm

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng được yêu cầu đổi mới của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; có đủ sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức về khoa học giáo dục mầm non; có kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện tốt chương trình GDMN; có khả năng đáp ứng được nhu cầu phát triển của GDMN; chủ động trong giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO)

2.2.1. Kiến thức

- PO1: Có hiểu biết căn bản về khoa học cơ bản để vận dụng có hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống.
- PO2: Có kiến thức về chương trình GDMN, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

2.2.2. Kỹ năng

- PO3: Có kỹ năng nghề nghiệp thành thạo để thực hiện tốt chương trình GDMN.
- PO4: Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử; tư vấn, hỗ trợ gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.
- PO5: Sử dụng được tiếng Anh, tin học trong lĩnh vực chuyên môn của ngành.

2.2.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm

- PO6: Có đạo đức nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự nhà giáo; tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực giáo dục, có trách nhiệm công dân, thực hiện nghiêm túc Bộ quy tắc ứng xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tự chủ, độc lập, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Năng lực của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng cập nhật, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức để thực hiện hiệu quả chương trình GDMN trong thời kỳ hội nhập.
- Có năng lực tự học, tự bồi dưỡng để tiếp tục phát triển chuyên môn.

4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra của ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Hạ Long có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non;
- Nhân viên nuôi dạy trẻ tại các trung tâm, các tổ chức chính trị xã hội và gia đình;
- Tư vấn, phổ biến kiến thức về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em tại các tổ chức chính trị xã hội.

II. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Kiến thức

1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chính trị – xã hội, pháp luật trên nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam vào thực tiễn cuộc sống.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Vận dụng có hiệu quả những kiến thức về Tâm lý học, Thể chất, Giáo dục học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Múa, Tiếng Việt, Văn học thiếu nhi, các hình thức logic của tư duy trong GDMN.

1.3. Kiến thức ngành

PLO3: Giải thích được kiến thức về khoa học giáo dục mầm non, chương trình GDMN, các mô hình giáo dục mầm non tiên tiến, hiện đại trong khu vực và trên thế giới;

PLO4: Giải thích được mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ và sự phát triển của trẻ mầm non;

PLO5: Tổ chức được các hoạt động giáo dục tích hợp cho trẻ ở các đối tượng khác nhau, bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO6: Đánh giá, điều chỉnh được các loại kế hoạch, các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

PLO7: Quản lý nhóm lớp và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ;

2.2. Kỹ năng mềm

PLO8: Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tư vấn, hỗ trợ, vận động gia đình, cộng đồng về chăm sóc - giáo dục trẻ.

2.3. Chuẩn ngoại ngữ, tin học

PLO9: Đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO10: Đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

PLO11: Yêu nước, yêu nghề, yêu trẻ, giữ gìn phẩm chất và danh dự nhà giáo; có ý thức và trách nhiệm công dân; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tự chủ, độc lập, hợp tác linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO12: Thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau trong GDMN.

PLO13: Hợp tác, chia sẻ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ với đồng nghiệp và cộng đồng.